

Số: *440/QĐ-UBND*

Kon Tum, ngày 25 tháng 5 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bộ tiêu chí đánh giá công tác cải cách hành chính nhà nước đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thuộc tỉnh Kon Tum

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 4361/QĐ-BNV ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về phê duyệt Đề án "Xác định chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương";

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Văn bản số 719/SNV-CCHC ngày 24/4/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính nhà nước đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (*sau đây gọi tắt là các cơ quan, đơn vị*), gồm:

1. Bộ tiêu chí áp dụng cho các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh (Phụ lục I).

2. Bộ tiêu chí áp dụng cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (Phụ lục II).

Điều 2. Kết quả đánh giá việc thực hiện công tác cải cách hành chính hằng năm là cơ sở để bình xét thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị. Đối với các cơ quan, đơn vị xếp loại Trung bình trở xuống hoặc bị hạ hai bậc xếp hạng so với năm trước liền kề thì tập thể và người đứng đầu đơn vị, địa phương đó không được xét thi đua, khen thưởng toàn diện trong năm đánh giá.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tổ chức tự đánh giá, chấm điểm kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính của ngành, đơn vị mình theo Bộ tiêu chí và hướng dẫn của Sở Nội vụ.

2. Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả thực hiện cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị trước ngày 15/01 hằng năm.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 574/QĐ-UBND ngày 12/8/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính đối với cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 5. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Nội vụ (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, TH2.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hòa

Phụ lục I

**Bộ tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính
áp dụng cho cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh
(Kèm theo Quyết định số 440/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2017 của UBND tỉnh)**

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Thang điểm	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm Hội đồng đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
1	KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ ĐẠO, KẾT LUẬN, THÔNG BÁO VÀ QUY CHẾ LÀM VIỆC CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH		30			
1.1	Việc thực hiện các chỉ đạo, kết luận, thông báo của Ủy ban nhân dân tỉnh		5			
1.1.1	Tiến độ thực hiện nhiệm vụ theo chỉ đạo, kết luận, thông báo của Ủy ban nhân dân tỉnh		5			
	<i>100% nhiệm vụ được thực hiện đúng tiến độ</i>	5				
	<i>Từ 90% đến dưới 100% nhiệm vụ được thực hiện đúng tiến độ</i>	3				
	<i>Từ 70% đến dưới 90% nhiệm vụ được thực hiện đúng tiến độ</i>	1				
	<i>Dưới 70% nhiệm vụ được thực hiện đúng tiến độ</i>	0				
1.1.2	Chất lượng thực hiện nhiệm vụ theo chỉ đạo, kết luận, thông báo của Ủy ban nhân dân tỉnh		5			
	<i>100% nhiệm vụ đạt yêu cầu</i>	5				
	<i>Từ 90% đến dưới 100% đạt yêu cầu</i>	3				
	<i>Từ 70% đến dưới 90% nhiệm vụ đạt yêu cầu</i>	1				
	<i>Dưới 70% nhiệm vụ đạt yêu cầu</i>	0				
1.2	Thực hiện Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh		20			
1.2.1	Tiến độ thực hiện Chương trình công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh		5			
	<i>100% nhiệm vụ được thực hiện đúng tiến độ</i>	5				
	<i>Từ 90% đến dưới 100% nhiệm vụ được thực hiện đúng tiến độ</i>	4				
	<i>Từ 70% đến dưới 90% nhiệm vụ được thực hiện đúng tiến độ</i>	2				
	<i>Dưới 70% nhiệm vụ được thực hiện đúng tiến độ</i>	0				
1.2.2	Chất lượng thực hiện Chương trình công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh		5			

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Thang điểm	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm Hội đồng đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	<i>100% nhiệm vụ đạt yêu cầu</i>	5				
	<i>Từ 90% đến dưới 100% đạt yêu cầu</i>	4				
	<i>Từ 70% đến dưới 90% nhiệm vụ đạt yêu cầu</i>	2				
	<i>Dưới 70% nhiệm vụ đạt yêu cầu</i>	0				
1.2.3	Tham dự các phiên họp của Ủy ban nhân dân tỉnh		2			
	<i>Tham dự đầy đủ các phiên họp của Ủy ban nhân dân tỉnh theo thành phần quy định</i>	2				
	<i>Không tham dự đầy đủ các phiên họp của Ủy ban nhân dân tỉnh theo thành phần quy định</i>	0				
1.2.4	Thực hiện thủ tục trình cấp bản		5			
	<i>100% hồ sơ trình đúng quy định</i>	5				
	<i>Từ 90% đến dưới 100% hồ sơ trình đúng quy định</i>	4				
	<i>Từ 70% đến dưới 90% hồ sơ trình đúng quy định</i>	2				
	<i>Dưới 70% hồ sơ trình đúng quy định</i>	0				
1.2.5	Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất		3			
	<i>Báo cáo đầy đủ nội dung và đúng thời gian quy định</i>	3				
	<i>Báo cáo chỉ đạt một trong hai yêu cầu trên</i>	1				
	<i>Báo cáo không đầy đủ và không đúng thời gian quy định</i>	0				
2	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH		13			
2.1	Kế hoạch cải cách hành chính hàng năm		4			
2.1.1	Mức độ kịp thời của việc ban hành Kế hoạch CCHC hàng năm		1			
	<i>Ban hành kịp thời (trong Quý IV của năm trước liền kề năm kế hoạch)</i>	1				
	<i>Ban hành không kịp thời (trong Quý I năm kế hoạch)</i>	0.5				
	<i>Không ban hành hoặc ban hành sau Quý I năm kế hoạch</i>	0				
2.1.2	Xác định đầy đủ các nhiệm vụ thuộc các nội dung, lĩnh vực CCHC (công tác chỉ đạo, điều hành CCHC; xây dựng và tổ chức thực hiện VBQPPL; cải cách TTIC; cải cách TCBM HCNN; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC; cải cách tài chính công; hiện đại hóa nền hành chính; thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông)		1			

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Thang điểm	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm Hội đồng đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	<i>Xác định đầy đủ</i>	1				
	<i>Không xác định đầy đủ</i>	0				
2.1.3	Mức độ cụ thể của các nhiệm vụ đề ra trong Kế hoạch		1			
	<i>Tất cả các nhiệm vụ đều được phân công đơn vị chịu trách nhiệm, đơn vị phối hợp và được xác định cụ thể kết quả đầu ra, thời gian hoàn thành</i>	1				
	<i>Không đáp ứng yêu cầu trên</i>	0				
2.1.4	Mức độ thực hiện kế hoạch CCHC năm		1			
	<i>Thực hiện 100% kế hoạch</i>	1				
	<i>Thực hiện từ 85% đến dưới 100% kế hoạch</i>	0.75				
	<i>Thực hiện từ 70% đến dưới 85% kế hoạch</i>	0.5				
	<i>Thực hiện dưới 70% kế hoạch</i>	0				
2.2	Thực hiện công tác báo cáo cải cách hành chính định kỳ		2			
2.2.1	Số lượng báo cáo (Báo cáo Quý I, Báo cáo 6 tháng đầu năm, Báo cáo Quý II, và Báo cáo năm)		0.5			
	<i>Đầy đủ số lượng các báo cáo</i>	0.5				
	<i>Không đầy đủ số lượng các báo cáo</i>	0				
2.2.2	Chất lượng báo cáo (đúng hướng dẫn, đầy đủ số liệu theo yêu cầu)		0.5			
	<i>Bảo đảm chất lượng</i>	0.5				
	<i>Không bảo đảm chất lượng</i>	0				
2.2.3	Thời gian gửi báo cáo (Báo cáo chính thức đến Sở Nội vụ chậm nhất vào ngày 07 tháng cuối cùng của quý đối với báo cáo quý; ngày 07 tháng 6 đối với báo cáo 6 tháng đầu năm và ngày 07 tháng 12 đối với báo cáo năm)		1			
	<i>Tất cả các báo cáo gửi đúng thời gian</i>	1				
	<i>03 BC gửi đúng thời gian</i>	0.75				
	<i>02 BC gửi đúng thời gian</i>	0.5				
	<i>01 BC gửi đúng thời gian</i>	0.25				

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Thang điểm	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm Hội đồng đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	<i>Không có báo cáo nào gửi đúng thời gian</i>	0				
2.3	Báo cáo tự đánh giá, chấm điểm cải cách hành chính		2.5			
2.3.1	Chất lượng báo cáo (đúng hướng dẫn, đầy đủ số liệu theo yêu cầu)		0.5			
	<i>Báo đảm chất lượng</i>	0.5				
	<i>Không báo đảm chất lượng</i>	0				
2.3.2	Thời gian gửi Báo cáo (Báo cáo chính thức đến Sở Nội vụ chậm nhất vào ngày 20 tháng 11 hàng năm)		1			
	<i>Đúng thời gian yêu cầu</i>	1				
	<i>Không đúng thời gian yêu cầu</i>	0				
2.3.3	Mức độ chính xác của kết quả tự đánh giá, chấm điểm		1			
	<i>Điểm tự chấm chính xác 100% so với kết quả thẩm định</i>	1				
	<i>Điểm tự chấm chênh lệch không quá 3% so với kết quả thẩm định</i>	0.5				
	<i>Điểm tự chấm chênh lệch trên 3% so với kết quả thẩm định</i>	0				
2.4	Kiểm tra cải cách hành chính đối với cơ quan, đơn vị trực thuộc (cơ quan không có cơ quan, đơn vị trực thuộc thì được điểm tối đa ở tiêu chí này)		2			
2.4.1	Thực hiện công tác kiểm tra theo Kế hoạch		1			
	<i>Thực hiện đạt 100% Kế hoạch</i>	1				
	<i>Thực hiện đạt từ 80% đến dưới 100% Kế hoạch</i>	0.75				
	<i>Thực hiện đạt từ 70% đến dưới 80% Kế hoạch</i>	0.5				
	<i>Thực hiện đạt dưới 70% Kế hoạch</i>	0.5				
	<i>Không ban hành Kế hoạch hoặc có ban hành nhưng không thực hiện</i>	0				
2.4.2	Xử lý vấn đề phát hiện sau kiểm tra		1			
	<i>100% vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý</i>	1				
	<i>Từ 85% đến dưới 100% vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý</i>	0.75				

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Thang điểm	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm Hội đồng đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	Từ 70% đến dưới 85% vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý	0.5				
	Dưới 70% vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý	0				
2.5	Công tác tuyên truyền cải cách hành chính		2.5			
2.5.1	Kế hoạch tuyên truyền CCHC		0.5			
	(<i>Ở ban hành Kế hoạch tuyên truyền CCHC thuộc có đề ra nhiệm vụ tuyên truyền CCHC trong Kế hoạch CCHC</i>)	0.5				
	<i>Không ban hành Kế hoạch tuyên truyền CCHC (hoặc không đề ra nhiệm vụ tuyên truyền CCHC trong Kế hoạch CCHC)</i>	0				
2.5.2	Mức độ đa dạng trong tuyên truyền CCHC: (1) tổ chức hội nghị/hội thảo/tập huấn về CCHC; (2) đăng tải thông tin CCHC trên trang TTĐT của đơn vị; (3) tuyên truyền CCHC trên báo chí/Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh; (4) tổ chức thi/tọa đàm/sản khẩu hóa		1			
	<i>Tuyên truyền CCHC thông qua 04/04 hình thức</i>	1				
	<i>Tuyên truyền CCHC thông qua 03/04 hình thức</i>	0.75				
	<i>Tuyên truyền CCHC thông qua 02/04 hình thức</i>	0.5				
	<i>Tuyên truyền dưới 02/04 hình thức</i>	0				
2.5.3	Mức độ hoàn thành Kế hoạch tuyên truyền CCHC (hoặc nhiệm vụ tuyên truyền CCHC trong Kế hoạch CCHC)		1			
	<i>Hoàn thành 100% nhiệm vụ đề ra</i>	1				
	<i>Hoàn thành từ 80% - dưới 100% nhiệm vụ đề ra</i>	0.5				
	<i>Hoàn thành dưới 80% nhiệm vụ đề ra</i>	0				
3	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT		8.5			
3.1	Tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật		1.5			
3.1.1	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ tham mưu xây dựng VBOPPL được cơ quan có thẩm quyền giao		1			
	<i>Thực hiện 100% nhiệm vụ được giao đúng tiến độ</i>	1				

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Thang điểm	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm Hội đồng đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	<i>Thực hiện từ 90% đến dưới 100% nhiệm vụ được giao đúng tiến độ</i>	0.75				
	<i>Thực hiện từ 80% đến dưới 90% nhiệm vụ được giao đúng tiến độ</i>	0.5				
	<i>Thực hiện dưới 80% nhiệm vụ được giao đúng tiến độ</i>	0				
3.1.2	Thực hiện quy trình xây dựng VBQPPI.		0.5			
	<i>100% VRQPPL được tham mưu xây dựng đúng quy trình</i>	0.5				
	<i>Dưới 100% VBQPPI được tham mưu xây dựng đúng quy trình</i>	0				
3.2	Theo dõi thi hành pháp luật		2.5			
3.2.1	Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ theo dõi thi hành pháp luật được cơ quan có thẩm quyền giao		1			
	<i>Hoàn thành 100% nhiệm vụ được giao đúng tiến độ</i>	1				
	<i>Thực hiện từ 85% đến dưới 100% nhiệm vụ được giao đúng tiến độ</i>	0.75				
	<i>Thực hiện từ 70% đến dưới 85% nhiệm vụ được giao đúng tiến độ</i>	0.5				
	<i>Thực hiện dưới 70% nhiệm vụ được giao đúng tiến độ</i>	0				
3.2.2	Thực hiện công tác báo cáo theo dõi thi hành pháp luật		0.5			
	<i>Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định</i>	0.5				
	<i>Báo cáo không đúng nội dung hoặc thời gian theo quy định</i>	0				
3.2.3	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật		1			
	<i>100% số vấn đề phát hiện thuộc trách nhiệm của đơn vị được xử lý theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền</i>	1				
	<i>Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện thuộc trách nhiệm của đơn vị được xử lý theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền</i>	0.75				
	<i>Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện thuộc trách nhiệm của đơn vị được xử lý theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền</i>	0.5				
	<i>Dưới 70% số vấn đề phát hiện thuộc trách nhiệm của đơn vị được xử lý theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền</i>	0				
3.3	Rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật		3			
3.3.1	Ban hành Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa VRQPPI.		0.5			
	<i>Có ban hành</i>	0.5				

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Thang điểm	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm Hội đồng đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	<i>Không ban hành</i>	0				
3.3.2	Mức độ hoàn thành Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa VBQPPL		1			
	<i>Hoàn thành 100% Kế hoạch</i>	1				
	<i>Thực hiện từ 85% đến dưới 100% kế hoạch</i>	0.75				
	<i>Thực hiện từ 70% đến dưới 85% kế hoạch</i>	0.5				
	<i>Thực hiện dưới 70% kế hoạch</i>	0				
3.3.3	Xử lý kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL		1			
	<i>100% số vấn đề phát hiện thuộc trách nhiệm của đơn vị được xử lý theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền</i>	1				
	<i>Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện thuộc trách nhiệm của đơn vị theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền</i>	0.75				
	<i>Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện thuộc trách nhiệm của đơn vị được xử lý theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền</i>	0.5				
	<i>Dưới 70% số vấn đề phát hiện thuộc trách nhiệm của đơn vị được xử lý theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền</i>	0				
3.3.4	Thực hiện công tác báo cáo hàng năm về kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL		0.5			
	<i>Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định</i>	0.5				
	<i>Báo cáo không đúng nội dung hoặc thời gian theo quy định</i>	0				
3.4	Kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật		1.5			
3.4.1	Phối hợp với cơ quan có thẩm quyền trong kiểm tra, xử lý VBQPPL.		0.5			
	<i>Thực hiện tốt công tác phối hợp</i>	0.5				
	<i>Chưa thực hiện tốt công tác phối hợp</i>	0				
3.4.2	Xử lý vấn đề phát hiện qua kiểm tra		1			
	<i>100% số vấn đề phát hiện thuộc trách nhiệm của đơn vị được xử lý theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền</i>	1				
	<i>Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện thuộc trách nhiệm của đơn vị theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền</i>	0.75				

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Thang điểm	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm Hội đồng đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	<i>Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện thuộc trách nhiệm của đơn vị được xử lý theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền</i>	0.5				
	<i>Dưới 70% số vấn đề phát hiện thuộc trách nhiệm của đơn vị được xử lý theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền</i>	0				
4	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH		9			
4.1	Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính		1.5			
4.1.1	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ rà soát, đánh giá thủ tục hành chính được cơ quan có thẩm quyền giao		1			
	<i>Thực hiện 100% nhiệm vụ được giao đúng tiến độ</i>	1				
	<i>Thực hiện từ 90% đến dưới 100% nhiệm vụ được giao đúng tiến độ</i>	0.75				
	<i>Thực hiện từ 80% đến dưới 90% nhiệm vụ được giao đúng tiến độ</i>	0.5				
	<i>Thực hiện dưới 80% nhiệm vụ được giao đúng tiến độ</i>	0				
4.1.2	Thực hiện quy trình rà soát, đánh giá thủ tục hành chính		0.5			
	<i>Thực hiện đúng quy định</i>	0.5				
	<i>Không thực hiện đúng quy định</i>	0				
4.2	Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố thủ tục hành chính (chậm nhất trước 05 ngày làm việc tính đến ngày VBQPPL có quy định thủ tục hành chính có hiệu lực thi hành)		2			
	<i>Tham mưu công bố đầy đủ, kịp thời các TTHC thuộc ngành, lĩnh vực đơn vị quản lý</i>	2				
	<i>Tham mưu công bố không đầy đủ hoặc không kịp thời các TTHC thuộc ngành, lĩnh vực đơn vị quản lý</i>	0				
4.3	Công khai thủ tục hành chính tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả [kiểm tra thực tế]		1.5			
4.3.1	Các yêu cầu về nội dung công khai TTHC: (1) Bảng niêm yết công khai TTHC; (2) Danh mục TTHC theo từng lĩnh vực; (3) công khai đầy đủ các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị đang có hiệu lực thi hành; (4) công khai đầy đủ các bộ phận tạo thành của từng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị đang có hiệu lực thi hành)		1			
	<i>Thực hiện đạt 04/04 yêu cầu</i>	1				

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Thang điểm	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm Hội đồng đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	<i>Thực hiện đạt 03/04 yêu cầu</i>	0.75				
	<i>Thực hiện đạt 02/04 yêu cầu</i>	0.5				
	<i>Thực hiện đạt dưới 02/04 yêu cầu</i>	0				
4.3.2	Mức độ kịp thời của việc công khai TTTC		0.5			
	<i>Công khai TTTC kịp thời, không công khai các TTTC đã hết hiệu lực thi hành</i>	0.5				
	<i>Công khai TTTC không kịp thời hoặc còn công khai các TTTC đã hết hiệu lực thi hành</i>	0				
4.4	Công khai thủ tục hành chính trên Trang Thông tin điện tử của đơn vị		1.5			
4.4.1	Các yêu cầu về nội dung công khai TTTC: (1) Danh mục TTTC theo từng lĩnh vực; (2) công khai đầy đủ các TTTC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị đang có hiệu lực thi hành; (3) công khai đầy đủ các bộ phận tạo thành của từng TTTC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị đang có hiệu lực thi hành)		1			
	<i>Thực hiện đạt 03/03 yêu cầu</i>	1				
	<i>Thực hiện đạt 02/03 yêu cầu</i>	0.5				
	<i>Thực hiện đạt dưới 02/03 yêu cầu</i>	0				
4.4.2	Mức độ kịp thời của việc công khai TTTC		0.5			
	<i>Công khai TTTC kịp thời, không công khai các TTTC đã hết hiệu lực thi hành</i>	0.5				
	<i>Công khai TTTC không kịp thời hoặc còn công khai các TTTC đã hết hiệu lực thi hành</i>	0				
4.5	Công khai nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức [kiểm tra thực tế]		0.5			
	<i>Thực hiện đúng quy định</i>	0.5				
	<i>Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định</i>	0				
4.6	Thực hiện quy định về tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích		0.5			
	<i>Thực hiện đúng quy định</i>	0.5				

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Thang điểm	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm Hội đồng đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	<i>Không thực hiện đúng quy định</i>	0				
4.7	Thực hiện chế độ báo cáo về tình hình, kết quả kiểm soát thủ tục hành chính		1.5			
4.7.1	Số lượng báo cáo (Báo cáo 6 tháng đầu năm, Báo cáo năm)		0.5			
	<i>Đầy đủ số lượng các báo cáo</i>	0.5				
	<i>Không đầy đủ số lượng các báo cáo</i>	0				
4.7.2	Chất lượng báo cáo (đúng hướng dẫn, đầy đủ số liệu theo yêu cầu)		0.5			
	<i>Bảo đảm chất lượng</i>	0.5				
	<i>Không bảo đảm chất lượng</i>	0				
4.7.3	Thời gian gửi báo cáo		0.5			
	<i>Tất cả các báo cáo gửi đúng thời gian</i>	0.5				
	<i>01 BC gửi đúng thời gian</i>	0.25				
	<i>Không có báo cáo nào gửi đúng thời gian</i>	0				
5	CÁI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC		3.5			
5.1	Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị		2			
5.1.1	Chất lượng tham mưu		1			
	<i>Tham mưu đầy đủ, đúng quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành</i>	1				
	<i>Tham mưu không đầy đủ hoặc không đúng quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành bị cơ quan có thẩm quyền đề nghị tham mưu lại</i>	0				
5.1.2	Thời gian tham mưu (chậm nhất sau 60 ngày làm việc kể từ ngày có hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền)		1			
	<i>Kịp thời tham mưu theo quy định</i>	1				
	<i>Không kịp thời tham mưu theo quy định</i>	0				
5.2	Ban hành Quy chế làm việc của đơn vị		0.5			
	<i>Đã ban hành Quy chế làm việc theo quy định</i>	0.5				

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Thang điểm	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm Hội đồng đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	<i>Chưa ban hành Quy chế làm việc theo quy định</i>	0				
5.3	Bổ trí số lượng cấp phó các đơn vị thuộc và trực thuộc theo quy định		1			
	<i>Thực hiện đúng quy định</i>	1				
	<i>Không thực hiện đúng quy định</i>	0				
6	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC		6.5			
6.1	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm		2			
6.1.1	Mức độ thực hiện đúng cơ cấu ngạch công chức theo vị trí việc làm đã được phê duyệt		1			
	<i>Thực hiện đúng cơ cấu ngạch công chức theo vị trí việc làm đã được phê duyệt</i>	1				
	<i>Không thực hiện đúng cơ cấu ngạch công chức theo vị trí việc làm đã được phê duyệt</i>	0				
6.1.2	Mức độ thực hiện đúng cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức theo vị trí việc làm đã được phê duyệt (cơ quan không có đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thì đạt điểm tối đa ở TCTP này)		1			
	<i>Thực hiện đúng cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức theo vị trí việc làm đã được phê duyệt</i>	1				
	<i>Không thực hiện đúng cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức theo vị trí việc làm đã được phê duyệt</i>	0				
6.2	Thực hiện quy định về bổ nhiệm lãnh đạo các đơn vị thuộc và trực thuộc		1			
	<i>100% vị trí được bổ nhiệm đúng quy định</i>	1				
	<i>Dưới 100% vị trí được bổ nhiệm đúng quy định</i>	0				
6.3	Thực hiện quy định về đánh giá, phân loại công chức, viên chức		1			
	<i>Đúng quy định</i>	1				
	<i>Không đúng quy định</i>	0				
6.4	Mức độ hoàn thành Kế hoạch tình gián biên chế trong năm		1			
	<i>Hoàn thành 100% Kế hoạch</i>	1				

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Thang điểm	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm Hội đồng đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	<i>Hoàn thành từ 70% đến dưới 100% Kế hoạch</i>	0.5				
	<i>Hoàn thành dưới 70% Kế hoạch</i>	0				
6.5	Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức		1.5			
6.5.1	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của đơn vị tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh		1			
	<i>100% cán bộ, công chức, viên chức tham gia tình trên chỉ tiêu đã đăng ký hoặc được giao</i>	1				
	<i>Từ 70% đến dưới 100% cán bộ, công chức, viên chức tham gia tình trên chỉ tiêu đã đăng ký hoặc được giao</i>	0.5				
	<i>Dưới 70% cán bộ, công chức, viên chức tham gia tình trên chỉ tiêu đã đăng ký hoặc được giao</i>	0				
6.5.2	Thực hiện công tác báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức		0.5			
	<i>Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định</i>	0.5				
	<i>Báo cáo không đúng nội dung hoặc thời gian theo quy định</i>	0				
7	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG		4.5			
7.1	Công tác báo cáo theo định kỳ		3			
7.1.1	Báo cáo đánh giá hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo quy định		1			
	<i>Báo cáo đầy đủ nội dung và đúng thời gian quy định</i>	1				
	<i>Báo cáo chỉ đạt một trong hai yêu cầu trên</i>	0.5				
	<i>Báo cáo không đầy đủ và không đúng thời gian quy định</i>	1				
7.1.2	Báo cáo công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí		1			
	<i>Báo cáo đầy đủ nội dung và đúng thời gian quy định</i>	1				
	<i>Báo cáo chỉ đạt một trong hai yêu cầu trên</i>	0.5				
	<i>Báo cáo không đầy đủ và không đúng thời gian quy định</i>	0				
7.1.3	Báo cáo công tác thống kê tài chính và các báo cáo tài chính, ngân sách do cơ quan tài chính yêu cầu		1			
	<i>Báo cáo đầy đủ nội dung và đúng thời gian quy định</i>	1				

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Thang điểm	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm Hội đồng đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	<i>Báo cáo chỉ đạt một trong hai yêu cầu trên</i>	0.5				
	<i>Báo cáo không đầy đủ và không đúng thời gian quy định</i>	0				
7.2	Tiết kiệm kinh phí tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức		0.5			
	<i>Có tiết kiệm kinh phí tăng thu nhập</i>	0.5				
	<i>Không tiết kiệm được kinh phí để tăng thu nhập</i>	0				
7.3	Công tác tự kiểm tra quyết toán năm		1			
	<i>Có thực hiện</i>	1				
	<i>Không thực hiện</i>	0				
8	HIỆN ĐẠI HÓA NỀN HÀNH CHÍNH		9			
8.1	Ứng dụng công nghệ thông tin của đơn vị		3			
8.1.1	Mức độ hoàn thành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin		1			
	<i>Hoàn thành 100% Kế hoạch</i>	1				
	<i>Hoàn thành từ 85% đến dưới 100% Kế hoạch</i>	0.75				
	<i>Hoàn thành từ 70% đến dưới 85% Kế hoạch</i>	0.5				
	<i>Hoàn thành dưới 70% Kế hoạch hoặc không ban hành Kế hoạch</i>	0				
8.1.2	Tỷ lệ văn bản của đơn vị được trao đổi với các cơ quan nhà nước dưới dạng điện tử [kiểm tra thực tế]		1			
	<i>Từ 80% số văn bản trở lên</i>	1				
	<i>Từ 60% đến dưới 80% số văn bản</i>	0.75				
	<i>Từ 50% đến dưới 60% số văn bản</i>	0.5				
	<i>Dưới 50% số văn bản</i>	0				
8.1.3	Ứng dụng phần mềm quản lý văn bản [kiểm tra thực tế]		1			
	<i>Lưu trữ văn bản đến, đi và xử lý văn bản đạt 100%</i>	1				
	<i>Lưu trữ văn bản đến, đi và xử lý văn bản đạt từ 80% đến dưới 100%</i>	0.75				
	<i>Lưu trữ văn bản đến, đi và xử lý văn bản đạt từ 70% đến dưới 80%</i>	0.5				
	<i>Lưu trữ văn bản đến, đi và xử lý văn bản đạt dưới 70%</i>	0				

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Thang điểm	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm Hội đồng đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
8.2	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến		2			
8.2.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3		1			
	Từ 40% số hồ sơ TTHC trở lên	1				
	Từ 30% đến dưới 40% hồ sơ TTHC trở lên	0.75				
	Từ 20% đến dưới 30% hồ sơ TTHC trở lên	0.5				
	Dưới 20% hồ sơ TTHC	0				
8.2.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến ở mức độ 4		1			
	Từ 30% số hồ sơ TTHC trở lên	1				
	Từ 20% đến dưới 30% hồ sơ TTHC trở lên	0.75				
	Từ 10% đến dưới 20% hồ sơ TTHC trở lên	0.5				
	Dưới 10% hồ sơ TTHC	0				
8.3	Chất lượng Cổng thông tin điện tử/Trang thông tin điện tử của đơn vị		1			
	Tốt	1				
	Khá	0.75				
	Trung bình	0.5				
	Chưa đạt yêu cầu	0				
8.4	Thực hiện chế độ báo cáo tình hình ứng dụng công nghệ thông tin theo quy định		1			
	Báo cáo đầy đủ nội dung và đúng thời gian quy định	1				
	Báo cáo chỉ đạt một trong hai yêu cầu trên	0.5				
	Báo cáo không đầy đủ và không đúng thời gian quy định	0				
8.5	Thực hiện quy định về áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của cơ quan, tổ chức hành chính [kiểm tra thực tế]		2			
8.5.1	Công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008		0.5			
	Đã công bố theo quy định	0.5				

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Thang điểm	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm Hội đồng đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	<i>Chưa công bố theo quy định</i>	0				
8.5.2	Cập nhật các thay đổi của VBQPPL liên quan đến hoạt động xử lý công việc vào Hệ thống quản lý chất lượng		0.5			
	<i>Có thực hiện</i>	0.5				
	<i>Không thực hiện</i>	0				
8.5.3	Thực hiện đánh giá nội bộ và xem xét của Lãnh đạo tối thiểu một năm một lần		0.5			
	<i>Có thực hiện</i>	0.5				
	<i>Không thực hiện</i>	0				
8.5.4	Thực hiện công bố lại khi có sự điều chỉnh, mở rộng, thu hẹp phạm vi áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng		0.5			
	<i>Có thực hiện</i>	0.5				
	<i>Không thực hiện</i>	0				
9	THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG		11			
9.1	Ban hành Quy chế hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả		0.5			
	<i>Đã ban hành theo đúng quy định</i>	0.5				
	<i>Chưa ban hành hoặc đã ban hành nhưng không đúng quy định</i>	0				
9.2	Thủ tục hành chính được thực hiện theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông [kiểm tra thực tế]		3			
9.2.1	Tỷ lệ TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa		2			
	<i>100% TTHC được thực hiện theo quy định</i>	2				
	<i>Từ 80% đến dưới 100% TTHC được thực hiện theo quy định</i>	1				
	<i>Từ 70% đến dưới 80% TTHC được thực hiện theo quy định</i>	0.5				
	<i>Dưới 70% TTHC được thực hiện theo quy định</i>	0				
9.2.2	Tỷ lệ TTHC được thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông (nếu đơn vị không có TTHC được quy định giải quyết thông qua cơ chế một cửa liên thông thì đạt điểm tối đa ở tiêu chí này)		1			

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Thang điểm	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm Hội đồng đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	<i>100% TTHC' được thực hiện theo quy định</i>	1				
	<i>Dưới 100% TTHC' được thực hiện theo quy định</i>	0				
9.3	Kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính [kiểm tra thực tế]		3			
	<i>100% hồ sơ được giải quyết đúng hoặc trước hạn</i>	3				
	<i>Từ 90% đến dưới 100% hồ sơ được giải quyết đúng hoặc trước hạn</i>	2				
	<i>Từ 80% đến dưới 90% hồ sơ được giải quyết đúng hoặc trước hạn</i>	1				
	<i>Dưới 80% hồ sơ được giải quyết đúng hoặc trước hạn</i>	0				
9.4	Thực hiện chi trả phụ cấp cho công chức, người lao động làm việc tại bộ phận tiếp nhân và trả kết quả		0.5			
	<i>Thực hiện đúng quy định</i>	0.5				
	<i>Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định</i>	0				
9.5	Trang thiết bị của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả [kiểm tra thực tế]		1			
	<i>Đã đầu tư trang thiết bị Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo chuẩn hiện đại</i>	1				
	<i>Đã đầu tư trang thiết bị Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đạt mức tối thiểu trở lên</i>	0.5				
	<i>Trang thiết bị Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chưa đạt mức tối thiểu</i>	0				
9.6	Quản lý việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cơ chế cửa liên thông [kiểm tra thực tế]		2			
9.6.1	Tiếp nhận hồ sơ có giao phiếu hẹn cho cá nhân, tổ chức (không tính hồ sơ giải quyết trong ngày, hồ sơ nhận trực tuyến, hồ sơ nhận qua đường bưu điện)		0.5			
	<i>Đã thực hiện đầy đủ theo quy định</i>	0.5				
	<i>Chưa thực hiện hoặc đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ theo quy định</i>	0				
9.6.2	Theo dõi việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính bằng sổ hoặc bằng máy		0.5			
	<i>Thực hiện đầy đủ theo quy định</i>	0.5				
	<i>Không thực hiện hoặc thực hiện nhưng chưa đầy đủ theo quy định</i>	0				

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Thang điểm	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm Hội đồng đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
9.6.3	Lập phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ		1			
	<i>Thực hiện đầy đủ theo quy định</i>	1				
	<i>Không thực hiện hoặc thực hiện nhưng chưa đầy đủ theo quy định</i>	0				
9.7	Thực hiện việc xin lỗi cá nhân, tổ chức khi để xảy ra sai sót trong quá trình tiếp nhân, giải quyết thủ tục hành chính [kiểm tra thực tế]		1			
	<i>Đã thực hiện đầy đủ theo quy định</i>	1				
	<i>Chưa thực hiện hoặc đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ theo quy định</i>	0				
10	VIỆC CHẤP HÀNH NỘI QUY, QUY CHẾ, KỶ LUẬT, KỶ CƯƠNG HÀNH CHÍNH		5			
10.1	Việc chấp hành giờ giấc làm việc		1			
	<i>100% CBCCVV các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc chấp hành nghiêm chỉnh giờ giấc làm việc theo quy định</i>	1				
	<i>Từ 90% đến dưới 100% CBCCVV các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc chấp hành nghiêm chỉnh giờ giấc làm việc theo quy định</i>	0.75				
	<i>Từ 80% đến dưới 90% CBCCVV các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc chấp hành nghiêm chỉnh giờ giấc làm việc theo quy định</i>	0.25				
	<i>Dưới 80% CBCCVV các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc chấp hành nghiêm chỉnh giờ giấc làm việc theo quy định</i>	0				
10.2	Thực hiện quy định cấm hút thuốc lá nơi làm việc		1			
	<i>100% CBCCVV các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc thực hiện nghiêm quy định</i>	1				
	<i>Dưới 100% CBCCVV các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc thực hiện nghiêm quy định</i>	0				
10.3	Thực hiện quy định không uống rượu, bia và đồ uống có cồn khác trước, trong giờ hành chính và giờ nghỉ trưa của ngày làm việc		1			
	<i>100% CBCCVV các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc thực hiện nghiêm quy định</i>	1				
	<i>Dưới 100% CBCCVV các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc thực hiện nghiêm quy định</i>	0				
10.4	Thực hiện quy định đeo thẻ khi thực hiện nhiệm vụ		1			

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Thang điểm	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm Hội đồng đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	<i>100% CBCCVV các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc thực hiện nghiêm quy định</i>	1				
	<i>Dưới 100% CBCCVV các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc thực hiện nghiêm quy định</i>	0				
10.5	Xử lý các trường hợp vi phạm nội quy, quy chế, kỷ luật, kỷ cương hành chính thuộc phạm vi quản lý		1			
	<i>100% trường hợp vi phạm được xử lý theo quy định</i>	1				
	<i>Dưới 100% trường hợp vi phạm được xử lý theo quy định</i>	0				
	Tổng cộng		100			

* Căn cứ điểm tổng cộng xếp loại như sau:

1. Loại A (Xuất sắc): Tổng số điểm đạt từ 90 đến 100 điểm;
2. Loại B (Tốt): Tổng số điểm đạt từ 80 đến dưới 90 điểm;
3. Loại C (Khá): Tổng số điểm đạt từ 65 đến dưới 80 điểm;
4. Loại D (Trung bình): Tổng số điểm đạt từ 50 đến dưới 65 điểm;
5. Loại E (Yếu): Tổng số điểm đạt được dưới 50 điểm;

Phụ lục II

**Bộ tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính
áp dụng cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố**
(Kèm theo Quyết định số 144/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2017 của UBND tỉnh)

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Thang điểm	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm Hội đồng đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
1	KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ ĐẠO, KẾT LUẬN, THÔNG BÁO VÀ QUY CHẾ LÀM VIỆC CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH		30			
1.1	Việc thực hiện các chỉ đạo, kết luận, thông báo của Ủy ban nhân dân tỉnh		5			
1.1.1	Tiến độ thực hiện nhiệm vụ theo chỉ đạo, kết luận, thông báo của Ủy ban nhân dân tỉnh		5			
	<i>100% nhiệm vụ được thực hiện đúng tiến độ</i>		5			
	<i>Từ 90% đến dưới 100% nhiệm vụ được thực hiện đúng tiến độ</i>		3			
	<i>Từ 70% đến dưới 90% nhiệm vụ được thực hiện đúng tiến độ</i>		1			
	<i>Dưới 70% nhiệm vụ được thực hiện đúng tiến độ</i>		0			
1.1.2	Chất lượng thực hiện nhiệm vụ theo chỉ đạo, kết luận, thông báo của Ủy ban nhân dân tỉnh		5			
	<i>100% nhiệm vụ đạt yêu cầu</i>		5			
	<i>Từ 90% đến dưới 100% đạt yêu cầu</i>		3			
	<i>Từ 70% đến dưới 90% nhiệm vụ đạt yêu cầu</i>		1			
	<i>Dưới 70% nhiệm vụ đạt yêu cầu</i>		0			
1.2	Thực hiện Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh		20			
1.2.1	Tiến độ thực hiện Chương trình công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh		5			
	<i>100% nhiệm vụ được thực hiện đúng tiến độ</i>		5			
	<i>Từ 90% đến dưới 100% nhiệm vụ được thực hiện đúng tiến độ</i>		4			
	<i>Từ 70% đến dưới 90% nhiệm vụ được thực hiện đúng tiến độ</i>		2			
	<i>Dưới 70% nhiệm vụ được thực hiện đúng tiến độ</i>		0			
1.2.2	Chất lượng thực hiện Chương trình công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh		5			
	<i>100% nhiệm vụ đạt yêu cầu</i>		5			
	<i>Từ 90% đến dưới 100% đạt yêu cầu</i>		4			

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Thang điểm	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm Hội đồng đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	<i>Từ 70% đến dưới 90% nhiệm vụ đạt yêu cầu</i>	2				
	<i>Dưới 70% nhiệm vụ đạt yêu cầu</i>	0				
1.2.3	Tham dự các phiên họp của Ủy ban nhân dân tỉnh		2			
	<i>Tham dự đầy đủ các phiên họp của Ủy ban nhân dân tỉnh theo thành phần quy định</i>	2				
	<i>Không tham dự đầy đủ các phiên họp của Ủy ban nhân dân tỉnh theo thành phần quy định</i>	0				
1.2.4	Thực hiện thủ tục trình văn bản		5			
	<i>100% hồ sơ trình đúng quy định</i>	5				
	<i>Từ 90% đến dưới 100% hồ sơ trình đúng quy định</i>	4				
	<i>Từ 70% đến dưới 90% hồ sơ trình đúng quy định</i>	2				
	<i>Dưới 70% hồ sơ trình đúng quy định</i>	0				
1.2.5	Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất		3			
	<i>Báo cáo đầy đủ nội dung và đúng thời gian quy định</i>	3				
	<i>Báo cáo chỉ đạt một trong hai yêu cầu trên</i>	1				
	<i>Báo cáo không đầy đủ và không đúng thời gian quy định</i>	0				
2	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH		13			
2.1	Kế hoạch cải cách hành chính hàng năm		4			
2.1.1	Mức độ kịp thời của việc ban hành Kế hoạch CCHC hàng năm		1			
	<i>Ban hành kịp thời (trong Quý IV của năm trước liền kề năm kế hoạch)</i>	1				
	<i>Ban hành không kịp thời (trong Quý I năm kế hoạch)</i>	0,5				
	<i>Không ban hành hoặc ban hành sau Quý I năm kế hoạch</i>	0				
2.1.2	Xác định đầy đủ các nhiệm vụ thuộc các nội dung, lĩnh vực CCHC (công tác chỉ đạo, điều hành CCHC; xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản QPPL.; cải cách TTHC; cải cách TCBM HCNN; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC; cải cách tài chính công; hiện đại hóa nền hành chính; thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông)		1			
	<i>Xác định đầy đủ</i>	1				
	<i>Không xác định đầy đủ</i>	0				

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Thang điểm	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm Hội đồng đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
2.1.3	Mức độ cụ thể của các nhiệm vụ đề ra trong Kế hoạch		1			
	Tất cả các nhiệm vụ đều được phân công đơn vị chịu trách nhiệm, đơn vị phối hợp và được xác định cụ thể kết quả đầu ra, thời gian hoàn thành	1				
	Không đáp ứng yêu cầu trên	0				
2.1.4	Mức độ thực hiện kế hoạch CC11C năm		1			
	Thực hiện 100% kế hoạch	1				
	Thực hiện từ 85% đến dưới 100% kế hoạch	0.75				
	Thực hiện từ 70% đến dưới 85% kế hoạch	0.5				
	Thực hiện dưới 70% kế hoạch	0				
2.2	Thực hiện công tác báo cáo cuối cách hành chính định kỳ		2			
2.2.1	Số lượng báo cáo (Báo cáo Quý I, Báo cáo 6 tháng đầu năm, Báo cáo Quý III và Báo cáo năm)		0.5			
	Đầy đủ số lượng các báo cáo	0.5				
	Không đầy đủ số lượng các báo cáo	0				
2.2.2	Chất lượng báo cáo (đúng hướng dẫn, đầy đủ số liệu theo yêu cầu)		0.5			
	Báo đảm chất lượng	0.5				
	Không báo đảm chất lượng	0				
2.2.3	Thời gian gửi báo cáo (Báo cáo chính thức đến Sở Nội vụ chậm nhất vào ngày 07 tháng cuối cùng của quý đối với báo cáo quý; ngày 07 tháng 6 đối với báo cáo 6 tháng đầu năm và ngày 07 tháng 12 đối với báo cáo năm)		1			
	Tất cả các báo cáo gửi đúng thời gian	1				
	03 BC' gửi đúng thời gian	0.75				
	02 BC' gửi đúng thời gian	0.5				
	01 BC' gửi đúng thời gian	0.25				
	Không có báo cáo nào gửi đúng thời gian	0				
2.3	Báo cáo tự đánh giá, chấm điểm cải cách hành chính		2.5			
2.3.1	Chất lượng báo cáo (đúng hướng dẫn, đầy đủ số liệu theo yêu cầu)		0.5			

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Thang điểm	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm Hội đồng đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	<i>Bao đảm chất lượng</i>	0.5				
	<i>Không bao đảm chất lượng</i>	0				
2.3.2	Thời gian gửi Báo cáo (Báo cáo chính thức đến Sở Nội vụ chậm nhất vào ngày 20 tháng 11 hàng năm)		1			
	<i>Đúng thời gian yêu cầu</i>	1				
	<i>Không đúng thời gian yêu cầu</i>	0				
2.3.3	Mức độ chính xác của kết quả tự đánh giá, chấm điểm		1			
	<i>Điểm tự chấm chính xác 100% so với kết quả thẩm định</i>	1				
	<i>Điểm tự chấm chênh lệch không quá 3% so với kết quả thẩm định</i>	0.5				
	<i>Điểm tự chấm chênh lệch trên 3% so với kết quả thẩm định</i>	0				
2.4	Kiểm tra cải cách hành chính đối với cơ quan, đơn vị trực thuộc		2			
2.4.1	Thực hiện công tác kiểm tra		1			
	<i>Thực hiện đạt 100% Kế hoạch</i>	1				
	<i>Thực hiện đạt từ 80% đến dưới 100% Kế hoạch</i>	0.75				
	<i>Thực hiện đạt từ 70% đến dưới 80% Kế hoạch</i>	0.5				
	<i>Thực hiện đạt dưới 70% Kế hoạch</i>	0.5				
	<i>Không ban hành Kế hoạch hoặc có ban hành nhưng không thực hiện</i>	0				
2.4.2	Xử lý vấn đề phát hiện sau kiểm tra		1			
	<i>100% vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý</i>	1				
	<i>Từ 85% đến dưới 100% vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý</i>	0.75				
	<i>Từ 70% đến dưới 85% vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý</i>	0.5				
	<i>Dưới 70% vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý</i>	0				
2.5	Công tác tuyên truyền cải cách hành chính		2.5			
2.5.1	Kế hoạch tuyên truyền CCHC		0.5			

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Thang điểm	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm Hội đồng đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	<i>Có ban hành Kế hoạch tuyên truyền CCHC theo cơ chế ra nhiệm vụ tuyên truyền CCHC trong Kế hoạch CCHC)</i>	0.5				
	<i>Không ban hành Kế hoạch tuyên truyền CCHC theo không đề ra nhiệm vụ tuyên truyền CCHC trong Kế hoạch CCHC)</i>	0				
2.5.2	Mức độ đa dạng trong tuyên truyền CCHC: (1) tổ chức hội nghị/hội thảo/tập huấn về CCHC; (2) đăng tải thông tin CCHC trên trang TTĐT của đơn vị; (3) tuyên truyền CCHC trên báo chí/Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh/Đài Truyền thanh - Truyền hình cấp huyện; (4) tổ chức thi/tọa đàm/sân khấu hóa		1			
	<i>Tuyên truyền CCHC thông qua 04/04 hình thức</i>	1				
	<i>Tuyên truyền CCHC thông qua 03/04 hình thức</i>	0.75				
	<i>Tuyên truyền CCHC thông qua 02/04 hình thức</i>	0.5				
	<i>Tuyên truyền dưới 02/04 hình thức</i>	0				
2.5.3	Mức độ hoàn thành Kế hoạch tuyên truyền CCHC (hoặc nhiệm vụ tuyên truyền CCHC trong Kế hoạch CCHC)		1			
	<i>Hoàn thành 100% nhiệm vụ đề ra</i>	1				
	<i>Hoàn thành từ 80% - dưới 100% nhiệm vụ đề ra</i>	0.5				
	<i>Hoàn thành dưới 80% nhiệm vụ đề ra</i>	0				
3	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT		9.5			
3.1	Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật		1.5			
3.1.1	Chất lượng văn bản quy phạm pháp luật của đơn vị (bảo đảm hợp hiến, hợp pháp và thống nhất trong hệ thống pháp luật)		1			
	<i>100% VBQPPL đạt yêu cầu</i>	1				
	<i>Từ 90% đến dưới 100% VBQPPL đạt yêu cầu</i>	0.75				
	<i>Từ 70% đến dưới 90% VBQPPL đạt yêu cầu</i>	0.5				
	<i>Dưới 70% VBQPPL đạt yêu cầu</i>	0				
3.1.2	Thực hiện quy trình xây dựng VBQPPL		0.5			
	<i>100% VBQPPL được tham mưu xây dựng đúng quy trình</i>	0.5				
	<i>Dưới 100% VBQPPL được tham mưu xây dựng đúng quy trình</i>	0				

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Thang điểm	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm Hội đồng đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
3.2	Theo dõi thi hành pháp luật		2.5			
3.2.1	Mức độ hoàn thành Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật của đơn vị		1			
	<i>Hoàn thành 100% nhiệm vụ được giao đúng tiến độ</i>		1			
	<i>Thực hiện từ 85% đến dưới 100% nhiệm vụ được giao đúng tiến độ</i>		0.75			
	<i>Thực hiện từ 70% đến dưới 85% nhiệm vụ được giao đúng tiến độ</i>		0.5			
	<i>Thực hiện dưới 70% nhiệm vụ được giao đúng tiến độ</i>		0			
3.2.2	Thực hiện công tác báo cáo theo dõi thi hành pháp luật		0.5			
	<i>Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định</i>		0.5			
	<i>Báo cáo không đúng nội dung hoặc thời gian theo quy định</i>		0			
3.2.3	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật		1			
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý</i>		1			
	<i>Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý</i>		0.75			
	<i>Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý</i>		0.5			
	<i>Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý</i>		0			
3.3	Rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật		3			
3.3.1	Ban hành Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa VBQPPL.		0.5			
	<i>Có ban hành</i>		0.5			
	<i>Không ban hành</i>		0			
3.3.2	Mức độ thực hiện Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa VBQPPL		1			
	<i>Hoàn thành 100% Kế hoạch</i>		1			
	<i>Thực hiện từ 85% đến dưới 100% kế hoạch</i>		0.75			
	<i>Thực hiện từ 70% đến dưới 85% kế hoạch</i>		0.5			
	<i>Thực hiện dưới 70% kế hoạch</i>		0			

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Thang điểm	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm Hội đồng đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
3.3.3	Xử lý kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL thuộc phạm vi quản lý		1			
	100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý	1				
	Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý	0.75				
	Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý	0.5				
	Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý	0				
3.3.4	Thực hiện công tác báo cáo hàng năm về kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL.		0.5			
	Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định	0.5				
	Báo cáo không đúng nội dung hoặc thời gian theo quy định	0				
3.4	Kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật		2.5			
3.4.1	Ban hành Kế hoạch kiểm tra VBQPPL.		0.5			
	Có ban hành	0.5				
	Không ban hành	0				
3.4.2	Mức độ thực hiện Kế hoạch kiểm tra VBQPPL		1			
	Thực hiện 100% kế hoạch	1				
	Thực hiện từ 85% đến dưới 100% kế hoạch	0.75				
	Thực hiện từ 70% đến dưới 85% kế hoạch	0.5				
	Thực hiện dưới 70% kế hoạch	0				
3.4.3	Xử lý vấn đề phát hiện qua kiểm tra		1			
	100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý	1				
	Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý	0.75				
	Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý	0.5				

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Thang điểm	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm Hội đồng đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	<i>Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý</i>	0				
4	CÁI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH		7			
4.1	Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính		1.5			
4.1.1	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ rà soát, đánh giá thủ tục hành chính được cơ quan có thẩm quyền giao		1			
	<i>Thực hiện 100% nhiệm vụ được giao đúng tiến độ</i>	1				
	<i>Thực hiện từ 90% đến dưới 100% nhiệm vụ được giao đúng tiến độ</i>	0.75				
	<i>Thực hiện từ 80% đến dưới 90% nhiệm vụ được giao đúng tiến độ</i>	0.5				
	<i>Thực hiện dưới 80% nhiệm vụ được giao đúng tiến độ</i>	0				
4.1.2	Thực hiện quy trình rà soát, đánh giá thủ tục hành chính		0.5			
	<i>Thực hiện đúng quy định</i>	0.5				
	<i>Không thực hiện đúng quy định</i>	0				
4.2	Công khai thủ tục hành chính tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả [kiểm tra thực tế]		1.5			
4.2.1	Các yêu cầu về nội dung công khai TTHC: (1) Bảng niêm yết công khai TTHC; (2) Danh mục TTHC theo từng lĩnh vực; (3) công khai đầy đủ các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị đang có hiệu lực thi hành; (4) công khai đầy đủ các bộ phận tạo thành của từng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị đang có hiệu lực thi hành		1			
	<i>Thực hiện đạt 04/04 yêu cầu</i>	1				
	<i>Thực hiện đạt 03/04 yêu cầu</i>	0.75				
	<i>Thực hiện đạt 02/04 yêu cầu</i>	0.5				
	<i>Thực hiện đạt dưới 02/04 yêu cầu</i>	0				
4.2.2	Mức độ kịp thời của việc công khai TTHC		0.5			
	<i>Niêm yết công khai TTHC kịp thời, không niêm yết các TTHC đã hết hiệu lực thi hành</i>	0.5				
	<i>Niêm yết công khai TTHC không kịp thời hoặc còn niêm yết các TTHC đã hết hiệu lực thi hành</i>	0				

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Thang điểm	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm Hội đồng đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
4.3	Công khai thủ tục hành chính trên Trang Thông tin điện tử của đơn vị		1.5			
4.3.1	Các yêu cầu về nội dung công khai TTHC: (1) Danh mục TTHC theo từng lĩnh vực; (2) công khai đầy đủ các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị đang có hiệu lực thi hành; (3) công khai đầy đủ các bộ phận tạo thành của từng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị đang có hiệu lực thi hành)		1			
	<i>Thực hiện đạt 03/03 yêu cầu</i>	1				
	<i>Thực hiện đạt 02/03 yêu cầu</i>	0.5				
	<i>Thực hiện đạt dưới 02/03 yêu cầu</i>	0				
4.3.2	Mức độ kịp thời của việc công khai TTHC		0.5			
	<i>Công khai TTHC kịp thời, không công khai các TTHC đã hết hiệu lực thi hành</i>	0.5				
	<i>Công khai TTHC không kịp thời hoặc còn công khai các TTHC đã hết hiệu lực thi hành</i>	0				
4.4	Công khai nội dung hướng dẫn thực hiện phân ảnh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức (kiểm tra thực tế)		0.5			
	<i>Thực hiện đúng quy định</i>	0.5				
	<i>Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định</i>	0				
4.5	Thực hiện quy định về tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích		0.5			
	<i>Thực hiện đúng quy định</i>	0.5				
	<i>Không thực hiện đúng quy định</i>	0				
4.6	Thực hiện chế độ báo cáo về tình hình, kết quả kiểm soát thủ tục hành chính		1.5			
4.6.1	Số lượng báo cáo (Báo cáo 6 tháng đầu năm. Báo cáo năm)		0.5			
	<i>Đầy đủ số lượng các báo cáo</i>	0.5				
	<i>Không đầy đủ số lượng các báo cáo</i>	0				
4.6.2	Chất lượng báo cáo (đúng hướng dẫn, đầy đủ số liệu theo yêu cầu)		0.5			
	<i>Báo đảm chất lượng</i>	0.5				
	<i>Không báo đảm chất lượng</i>	0				

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Thang điểm	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm Hội đồng đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
4.6.3	Thời gian gửi báo cáo		0.5			
	<i>Tất cả các báo cáo gửi đúng thời gian</i>	0.5				
	<i>01 BC gửi đúng thời gian</i>	0.25				
	<i>Không có báo cáo nào gửi đúng thời gian</i>	0				
5	CÁI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC		3.5			
5.1	Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của phòng, ban chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện		2			
5.1.1	Tuân thủ quy định của Chính phủ, bộ, ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh		1			
	<i>Thực hiện đúng quy định</i>	1				
	<i>Không thực hiện đúng quy định</i>	0				
5.1.2	Thời gian thực hiện (chậm nhất sau 30 ngày làm việc kể từ ngày có hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền)		1			
	<i>Thực hiện kịp thời</i>	1				
	<i>Không thực hiện kịp thời</i>	0				
5.2	Ban hành Quy chế làm việc của UBND cấp huyện		0.5			
	<i>Đã ban hành Quy chế làm việc theo quy định</i>	0.5				
	<i>Chưa ban hành Quy chế làm việc theo quy định</i>	0				
5.3	Bổ trí số lượng cấp phó các đơn vị thuộc và trực thuộc theo quy định		1			
	<i>Thực hiện đúng quy định</i>	1				
	<i>Không thực hiện đúng quy định</i>	0				
6	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC		9.5			
6.1	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm		2			
6.1.1	Mức độ thực hiện đúng cơ cấu ngạch công chức theo vị trí việc làm đã được phê duyệt		1			
	<i>Thực hiện đúng cơ cấu ngạch công chức theo vị trí việc làm đã được phê duyệt</i>	1				

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Thang điểm	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm Hội đồng đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	<i>Không thực hiện đúng cơ cấu ngạch công chức theo vị trí việc làm đã được phê duyệt</i>	0				
6.1.2	Mức độ thực hiện đúng cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức theo vị trí việc làm đã được phê duyệt (cơ quan không có đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thì đạt điểm tối đa ở TCTP này)		1			
	<i>Thực hiện đúng cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức theo vị trí việc làm đã được phê duyệt</i>	1				
	<i>Không thực hiện đúng cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức theo vị trí việc làm đã được phê duyệt</i>	0				
6.2	Thực hiện quy định về bổ nhiệm lãnh đạo các đơn vị thuộc và trực thuộc theo quy định		1			
	<i>100% vị trí được bổ nhiệm đúng quy định</i>	1				
	<i>Dưới 100% vị trí được bổ nhiệm đúng quy định</i>	0				
6.3	Thực hiện quy định về đánh giá, phân loại công chức, viên chức		1			
	<i>Đúng quy định</i>	1				
	<i>Không đúng quy định</i>	0				
6.4	Mức độ hoàn thành Kế hoạch tình hình biên chế (trong năm)		1			
	<i>Hoàn thành 100% Kế hoạch</i>	1				
	<i>Hoàn thành từ 70% đến dưới 100% Kế hoạch</i>	0.5				
	<i>Hoàn thành dưới 70% Kế hoạch</i>	0				
6.5	Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức		1.5			
6.5.1	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của đơn vị tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh		1			
	<i>100% cán bộ, công chức, viên chức tham gia tình trên chỉ tiêu đã đăng ký hoặc được giao</i>	1				
	<i>Từ 70% đến dưới 100% cán bộ, công chức, viên chức tham gia tình trên chỉ tiêu đã đăng ký hoặc được giao</i>	0.5				
	<i>Dưới 70% cán bộ, công chức, viên chức tham gia tình trên chỉ tiêu đã đăng ký hoặc được giao</i>	0				

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Thang điểm	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm Hội đồng đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
6.5.2	Thực hiện công tác báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức		0.5			
	<i>Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định</i>	0.5				
	<i>Báo cáo không đúng nội dung hoặc thời gian theo quy định</i>	0				
6.6	Cán bộ, công chức cấp xã		3			
6.6.1	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã		1			
	<i>100% số cán bộ cấp xã đạt chuẩn</i>	1				
	<i>Từ 80% đến dưới 100% số cán bộ cấp xã đạt chuẩn</i>	0.5				
	<i>Dưới 80% số cán bộ cấp xã đạt chuẩn</i>	0				
6.6.2	Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã		1			
	<i>100% số công chức cấp xã đạt chuẩn</i>	1				
	<i>Từ 80% đến dưới 100% số công chức cấp xã đạt chuẩn</i>	0.5				
	<i>Dưới 80% số công chức cấp xã đạt chuẩn</i>	0				
6.6.3	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm		1			
	<i>Từ 70% số cán bộ, công chức trở lên</i>	1				
	<i>Từ 50% đến dưới 70% số cán bộ, công chức</i>	0.5				
	<i>Dưới 50% số cán bộ, công chức</i>	0				
7	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG		4			
7.1	Công tác báo cáo theo định kỳ		3			
7.1.1	Báo cáo đánh giá hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo quy định		1			
	<i>Báo cáo đầy đủ nội dung và đúng thời gian quy định</i>	1				
	<i>Báo cáo chỉ đạt một trong hai yêu cầu trên</i>	0.5				
	<i>Báo cáo không đầy đủ và không đúng thời gian quy định</i>	1				
7.1.2	Báo cáo công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí		1			
	<i>Báo cáo đầy đủ nội dung và đúng thời gian quy định.</i>	1				
	<i>Báo cáo chỉ đạt một trong hai yêu cầu trên</i>	0.5				

TT	Linh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Thang điểm	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm Nội đồng đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	<i>Báo cáo không đầy đủ và không đúng thời gian quy định</i>	0				
7.1.3	Báo cáo công tác thông kê tài chính và các báo cáo tài chính, ngân sách do cơ quan tài chính yêu cầu		1			
	<i>Báo cáo đầy đủ nội dung và đúng thời gian quy định</i>	1				
	<i>Báo cáo chỉ đạt một trong hai yêu cầu trên</i>	0.5				
	<i>Báo cáo không đầy đủ và không đúng thời gian quy định</i>	0				
7.2	Tiết kiệm kinh phí tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức		0.5			
	<i>Có tiết kiệm kinh phí tăng thu nhập</i>	0.5				
	<i>Không tiết kiệm được kinh phí để tăng thu nhập</i>	0				
7.3	Công tác tự kiểm tra quyết toán năm		0.5			
	<i>Có thực hiện</i>	0.5				
	<i>Không thực hiện</i>	0				
8	HIỆN ĐẠI HÓA NỀN HÀNH CHÍNH		8.5			
8.1	Ứng dụng công nghệ thông tin của đơn vị		3			
8.1.1	Mức độ hoàn thành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin		1			
	<i>Hoàn thành 100% Kế hoạch</i>	1				
	<i>Hoàn thành từ 85% đến dưới 100% Kế hoạch</i>	0.75				
	<i>Hoàn thành từ 70% đến dưới 85% Kế hoạch</i>	0.5				
	<i>Hoàn thành dưới 70% Kế hoạch hoặc không ban hành Kế hoạch</i>	0				
8.1.2	Tỷ lệ văn bản của đơn vị được trao đổi với các cơ quan nhà nước dưới dạng điện tử [kiểm tra thực tế]		1			
	<i>Từ 80% số văn bản trở lên</i>	1				
	<i>Từ 60% đến dưới 80% số văn bản</i>	0.75				
	<i>Từ 50% đến dưới 60% số văn bản</i>	0.5				
	<i>Dưới 50% số văn bản</i>	0				
8.1.3	Ứng dụng phần mềm quản lý văn bản [kiểm tra thực tế]		1			
	<i>Lưu trữ văn bản đến, đi và xử lý văn bản đạt 100%</i>	1				

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Thang điểm	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm Hội đồng đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	Lưu trữ văn bản đến, đi và xử lý văn bản đạt từ 80% đến dưới 100%	0.75				
	Lưu trữ văn bản đến, đi và xử lý văn bản đạt từ 70% đến dưới 80%	0.5				
	Lưu trữ văn bản đến, đi và xử lý văn bản đạt dưới 70%	0				
8.2	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến		2			
8.2.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3		1			
	Từ 40% số hồ sơ TTHC trở lên	1				
	Từ 30% đến dưới 40% hồ sơ TTHC trở lên	0.75				
	Từ 20% đến dưới 30% hồ sơ TTHC trở lên	0.5				
	Dưới 20% hồ sơ TTHC	0				
8.2.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến ở mức độ 4		1			
	Từ 30% số hồ sơ TTHC trở lên	1				
	Từ 20% đến dưới 30% hồ sơ TTHC trở lên	0.75				
	Từ 10% đến dưới 20% hồ sơ TTHC trở lên	0.5				
	Dưới 10% hồ sơ TTHC	0				
8.3	Chất lượng Cổng thông tin điện tử/Trang thông tin điện tử của đơn vị		1			
	Tốt	1				
	Khá	0.75				
	Trung bình	0.5				
	Chưa đạt yêu cầu	0				
8.4	Thực hiện chế độ báo cáo tình hình ứng dụng công nghệ thông tin theo quy định		0.5			
	Báo cáo đầy đủ nội dung và đúng thời gian quy định	0.5				
	Báo cáo chỉ đạt một trong hai yêu cầu trên	0.25				
	Báo cáo không đầy đủ và không đúng thời gian quy định	0				
8.5	Thực hiện quy định về áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của cơ quan, tổ chức hành chính (kiểm tra thực tế)		2			

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Thang điểm	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm Hội đồng đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
8.5.1	Công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008		0.5			
	<i>Đã công bố theo quy định</i>	0.5				
	<i>Chưa công bố theo quy định</i>	0				
8.5.2	Cập nhật các thay đổi của VBQPPL liên quan đến hoạt động xử lý công việc vào Hệ thống quản lý chất lượng		0.5			
	<i>Có thực hiện</i>	0.5				
	<i>Không thực hiện</i>	0				
8.5.3	Thực hiện đánh giá nội bộ và xem xét của Lãnh đạo tối thiểu một năm một lần		0.5			
	<i>Có thực hiện</i>	0.5				
	<i>Không thực hiện</i>	0				
8.5.4	Thực hiện công bố lại khi có sự điều chỉnh, mở rộng, thu hẹp phạm vi áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng		0.5			
	<i>Có thực hiện</i>	0.5				
	<i>Không thực hiện</i>	0				
9	THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG		10			
9.1	Ban hành Quy chế hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả		0.5			
	<i>Đã ban hành theo đúng quy định</i>	0.5				
	<i>Chưa ban hành hoặc đã ban hành nhưng không đúng quy định</i>	0				
9.2	Thủ tục hành chính được thực hiện theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông [kiểm tra thực tế]		2			
9.2.1	Tỷ lệ TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa		1			
	<i>100% TTHC được thực hiện theo quy định</i>	1				
	<i>Từ 80% đến dưới 100% TTHC được thực hiện theo quy định</i>	0.75				
	<i>Từ 70% đến dưới 80% TTHC được thực hiện theo quy định</i>	0.25				
	<i>Dưới 70% TTHC được thực hiện theo quy định</i>	0				

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Thang Điểm	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm Hội đồng đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
9.2.2	Tỷ lệ TTIC được thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông (nếu đơn vị không có TTIC được quy định giải quyết thông qua cơ chế một cửa liên thông thì đạt điểm tối đa ở tiêu chí này)		1			
	<i>100% TTIC được thực hiện theo quy định</i>	1				
	<i>Dưới 100% TTIC được thực hiện theo quy định</i>	0				
9.3	Kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính [kiểm tra thực tế]		3			
	<i>100% hồ sơ được giải quyết đúng hoặc trước hạn</i>	3				
	<i>Từ 90% đến dưới 100% hồ sơ được giải quyết đúng hoặc trước hạn</i>	2				
	<i>Từ 80% đến dưới 90% hồ sơ được giải quyết đúng hoặc trước hạn</i>	1				
	<i>Dưới 80% hồ sơ được giải quyết đúng hoặc trước hạn</i>	0				
9.4	Thực hiện chi trả phụ cấp cho công chức, người lao động làm việc tại bộ phận tiếp nhân và trả kết quả		0.5			
	<i>Thực hiện đúng quy định</i>	0.5				
	<i>Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định</i>	0				
9.5	Trang thiết bị của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả [kiểm tra thực tế]		1			
	<i>Đủ đầu tư trang thiết bị Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo chuẩn hiện đại</i>	1				
	<i>Đủ đầu tư trang thiết bị Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đạt mức tối thiểu trở lên</i>	0.5				
	<i>Trang thiết bị Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chưa đạt mức tối thiểu</i>	0				
9.6	Quản lý việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cơ chế cửa liên thông [kiểm tra thực tế]		2			
9.6.1	Tiếp nhận hồ sơ có giao phiếu hẹn cho cá nhân, tổ chức (không tính hồ sơ giải quyết trong ngày, hồ sơ nhận trực tuyến, hồ sơ nhận qua đường bưu điện)		0.5			
	<i>Đã thực hiện đầy đủ theo quy định</i>	0.5				
	<i>Chưa thực hiện hoặc đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ theo quy định</i>	0				
9.6.2	Theo dõi việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính bằng sổ hoặc bằng máy		0.5			
	<i>Thực hiện đầy đủ theo quy định</i>	0.5				

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Thang điểm	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm Hội đồng đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	<i>Không thực hiện hoặc thực hiện nhưng chưa đầy đủ theo quy định</i>	0				
9.6.3	Lập phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ		1			
	<i>Thực hiện đầy đủ theo quy định</i>	1				
	<i>Không thực hiện hoặc thực hiện nhưng chưa đầy đủ theo quy định</i>	0				
9.7	Thực hiện việc xin lỗi cá nhân, tổ chức khi để xảy ra sai sót trong quá trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính [kiểm tra thực tế]		1			
	<i>Đã thực hiện đầy đủ theo quy định</i>	1				
	<i>Chưa thực hiện hoặc đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ theo quy định</i>	0				
10	VIỆC CHẤP HÀNH NỘI QUY, QUY CHẾ, KỶ LUẬT, KỶ CƯƠNG HÀNH CHÍNH		5			
10.1	Việc chấp hành giờ giấc làm việc		1			
	<i>100% CBCCVV các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc chấp hành nghiêm chỉnh giờ giấc làm việc theo quy định</i>	1				
	<i>Từ 90% đến dưới 100% CBCCVV các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc chấp hành nghiêm chỉnh giờ giấc làm việc theo quy định</i>	0.75				
	<i>Từ 80% đến dưới 90% CBCCVV các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc chấp hành nghiêm chỉnh giờ giấc làm việc theo quy định</i>	0.25				
	<i>Dưới 80% CBCCVV các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc chấp hành nghiêm chỉnh giờ giấc làm việc theo quy định</i>	0				
10.2	Thực hiện quy định cấm hút thuốc lá nơi làm việc		1			
	<i>100% CBCCVV các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc thực hiện nghiêm quy định</i>	1				
	<i>Dưới 100% CBCCVV các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc thực hiện nghiêm quy định</i>	0				
10.3	Thực hiện quy định không uống rượu, bia và đồ uống có cồn khác trước, trong giờ hành chính và giờ nghỉ trưa của ngày làm việc		1			
	<i>100% CBCCVV các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc thực hiện nghiêm quy định</i>	1				
	<i>Dưới 100% CBCCVV các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc thực hiện nghiêm quy định</i>	0				

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Thang điểm	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm Hội đồng đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
10.4	Thực hiện quy định đeo thẻ khi thực hiện nhiệm vụ		1			
	<i>100% CBCCVV các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc thực hiện nghiêm quy định</i>	1				
	<i>Dưới 100% CBCCVV các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc thực hiện nghiêm quy định</i>	0				
10.5	Xử lý các trường hợp vi phạm nội quy, quy chế, kỷ luật, kỷ cương hành chính thuộc phạm vi quản lý		1			
	<i>100% trường hợp vi phạm được xử lý theo quy định</i>	1				
	<i>Dưới 100% trường hợp vi phạm được xử lý theo quy định</i>	0				
	Tổng cộng		100			

* Căn cứ điểm tổng cộng xếp loại như sau:

1. Loại A (Xuất sắc): Tổng số điểm đạt từ 90 đến 100 điểm;
2. Loại B (Tốt): Tổng số điểm đạt từ 80 đến dưới 90 điểm;
3. Loại C (Khá): Tổng số điểm đạt từ 65 đến dưới 80 điểm;
4. Loại D (Trung bình): Tổng số điểm đạt từ 50 đến dưới 65 điểm;
5. Loại E (Yếu): Tổng số điểm đạt được dưới 50 điểm;